

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 34/CV- SGDHN

V/v: Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận

Báo cáo tài chính năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội mã chứng khoán EBS xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Công ty tăng so với lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 là 3.454.215.124 đồng (tăng 42%) như sau:

- Năm 2016 Doanh thu tăng 29.259.243.724 đồng (tăng 20%) so với cùng kì năm 2015.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 tăng 468.194.308 đồng (tăng 21%) so với cùng kì năm 2015.

Vậy Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và toàn thể các nhà Đầu tư biết.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu HC

GIÁM ĐỐC

Cần Hữu Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên	
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Lan Anh	Thành viên	
Ông Phạm Quỳnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)
Ông Ngô Trọng Vinh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/04/2016)
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên	
Ông Vũ Gia Hưng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 Năm 2017.

Số : 106../2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		140.680.465.080	126.027.740.310
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.638.884.087	9.339.667.711
111	1. Tiền		5.138.884.087	4.339.667.711
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.500.000.000	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.000.000.000	28.869.736.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	869.736.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	28.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		58.775.683.985	37.921.309.101
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	51.243.511.166	30.486.388.642
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		214.222.433	2.687.108.242
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	8.100.000.000	6.020.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.387.086.353	1.076.155.984
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.169.135.967)	(2.348.343.767)
140	IV. Hàng tồn kho	9	43.527.487.330	49.071.143.700
141	1. Hàng tồn kho		44.056.304.650	49.717.628.733
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(528.817.320)	(646.485.033)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		738.409.678	825.883.798
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	738.409.678	825.883.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.916.871.964	27.861.207.613
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000	1.030.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.000.000	1.030.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.650.542.211	3.505.112.599
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.650.542.211	3.505.112.599
222	- Nguyên giá		6.166.009.222	5.812.973.455
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.515.467.011)	(2.307.860.856)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.276.000.000	2.670.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	3.276.000.000	2.670.500.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.150.000.000	750.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.400.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.750.000.000	750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.835.329.753	19.905.595.014
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	14.835.329.753	19.905.595.014
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		167.597.337.044	153.888.947.923

100111
 CÔNG
 TÁC NHẬP
 HÀNG K
 A
 HOANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		42.543.512.488	31.775.169.466
310	I. Nợ ngắn hạn		42.497.512.488	31.729.169.466
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	26.848.783.581	22.786.662.987
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		42.985.704	3.814.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.510.075.738	773.825.871
314	4. Phải trả người lao động		7.989.569.738	5.761.697.275
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.959.080.362	1.217.520.326
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	354.906.399	103.261.935
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.792.110.966	1.082.386.572
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	46.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	46.000.000	46.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		125.053.824.556	122.113.778.457
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	125.053.824.556	122.113.778.457
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		669.277.482	669.277.482
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.598.628.953	12.598.628.953
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.707.684.677	8.767.638.578
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.791.729.778	1.787.766.534
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.915.954.899	6.979.872.044
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		167.597.337.044	153.888.947.923




Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng




 Cận Hữu Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

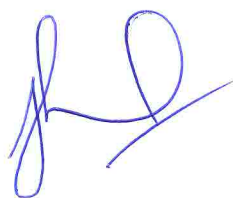


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	174.940.469.792	145.681.226.068
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.940.469.792	145.681.226.068
11	3. Giá vốn hàng bán	20	127.692.102.275	101.911.890.604
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.248.367.517	43.769.335.464
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.714.902.833	2.246.708.525
22	6. Chi phí tài chính	22	8.454.580	-
25	7. Chi phí bán hàng	23	24.538.789.516	26.146.685.453
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	10.964.305.758	9.311.972.782
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.451.720.496	10.557.385.754
31	10. Thu nhập khác	25	126.859.026	61.354.221
32	11. Chi phí khác		1.800.911	7.699.696
40	12. Lợi nhuận khác		125.058.115	53.654.525
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.576.778.611	10.611.040.279
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.910.949.318	2.399.426.110
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.665.829.293</u>	<u>8.211.614.169</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	995	776



Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng



Cần Hữu Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		130.484.060.666	138.223.178.773
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(96.585.522.857)	(127.026.898.522)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.840.461.063)	(13.078.553.289)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.366.596.007)	(1.320.818.029)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		997.072.594	693.059.684
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.776.470.137)	(4.364.939.506)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>10.912.083.196</i>	<i>(6.874.970.889)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(867.154.484)	(2.513.963.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		50.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.800.000.000)	(22.889.736.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		42.720.000.000	9.705.184.245
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.054.419.331)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	180.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.314.615.795	2.215.549.648
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>14.363.041.980</i>	<i>(13.302.965.289)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	16.117.700.000
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.975.908.800)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(6.975.908.800)</i>	<i>16.117.700.000</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		18.299.216.376	(4.060.236.178)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.339.667.711	13.399.903.889
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>27.638.884.087</u>	<u>9.339.667.711</u>

Nguyễn Cẩm Hương
Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: 70 người (tại ngày 31/12/2015 là 145 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác
- được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Buôn bán sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 08 năm |

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí bản thảo được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho và thời gian trên hợp đồng thầu, phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu năm cộng giá trị nhập kho trong năm của các loại sách không chịu thuế.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, hợp đồng về việc thuê tài sản dài hạn diện tích văn phòng tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với thời hạn thuê là 44 năm được Công ty phân loại là hợp đồng thuê hoạt động, giá trị tiền thuê trả trước được Công ty theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10) và thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

3117
CỔ
TRÁCH
HẠN
D. HC

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	365.219.117	314.523.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.773.664.970	4.025.143.932
Các khoản tương đương tiền ^[*]	22.500.000.000	5.000.000.000
	27.638.884.087	9.339.667.711

^[*] Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng có giá trị 22.500.000.000 VND được gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với lãi suất 5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần FPT	-	-	-	869.736.000	966.000.000	
	-	-	-	869.736.000	966.000.000	-

Giá trị hợp lý của cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015 trên sàn giao dịch HOSE là 48.300 VND/cổ phiếu, số lượng là 20.000 cổ phiếu. Trong kì đơn vị đã bán hết lượng cổ phiếu trên.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng tiền gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng từ ngày gửi tiền (Hợp đồng tự động gia hạn khi hết kỳ hạn), tổng giá trị là 10.000.000.000 VND với mức lãi suất 5,8%/năm đến 6%/năm.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.400.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	2.400.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam	2.000.000.000	-	-	-
	5.150.000.000	-	750.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Hà Nội	21,82%	21,82%	Phát hành, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/HĐQT-SGDHN ngày 07/01/2016 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/HĐQT-SGDHN ngày 28/03/2016, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục với tổng giá trị vốn góp là 2,4 tỷ đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 32.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	3,0%	3,0%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam ^[*]	Hà Nội	1,8%	1,8%	Phát hành, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục

^[*] Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/HĐQT-SGDHN ngày 19/07/2016 Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam với tổng giá trị vốn góp là 2 tỷ đồng.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Phải thu các Công ty sách, thiết bị trường học	8.553.831.305	2.947.115.693
- Phải thu các sở, phòng giáo dục đào tạo	13.278.385.516	3.403.245.276
- Phải thu các trường	187.788.100	394.977.800
- Phải thu từ các cửa hàng	-	108.660.417
- Phải thu từ các đơn vị thuộc NXB Giáo dục	3.380.646.370	2.835.239.302
- Phải thu đại lý	25.774.053.177	20.796.686.773
- Phải thu khác hàng khác	68.806.698	463.381
	51.243.511.166	30.486.388.642
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	613.257.611	1.567.808.093

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần sách Dân tộc	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần in và thương mại Trường An	1.600.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhân Việt	3.000.000.000	-
Ông Mai Bá Bắc	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	-	520.000.000
	8.100.000.000	6.020.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	VND	10,5%	Tín chấp	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần In và Thương mại Trường An	VND	10,5%	Tín chấp	1.600.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhân Việt	VND	10,0%	Tín chấp	3.000.000.000	-
Ông Mai Bá Bắc	VND	10,5%	Tín chấp	1.500.000.000	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	415.230.559	-	279.834.521	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	139.500.000	-
Tạm ứng	561.436.877	-	295.938.379	-
Phải thu khác	410.418.917	-	360.883.084	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[*]	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	210.418.917	-	160.883.084	-
	1.387.086.353	-	1.076.155.984	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	80.000.000	-
Phải thu khác	-	-	950.000.000	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	-	-	950.000.000	-
	5.000.000	-	1.030.000.000	-

^[*]Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa" với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Lô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Diện tích lô đất là 4550 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 31/12/2016 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.



8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Sách và Văn phòng phẩm Cuộc sống mới	751.214.823	-	751.214.823	-
Nhà sách Thành Nghĩa Thành phố Hồ Chí Minh	827.691.820	-	977.691.820	-
Các đối tượng khác	590.229.324	-	619.437.124	-
	2.169.135.967	-	2.348.343.767	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.663.024.434	-	9.982.932.135	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.866.398.695	-	15.817.381.602	-
Thành phẩm	11.544.067.300	(528.817.320)	10.706.331.771	(548.609.097)
Hàng hoá	1.982.814.221	-	3.369.024.405	(35.594.309)
Hàng gửi đi bán	-	-	9.841.958.820	(62.281.627)
	44.056.304.650	(528.817.320)	49.717.628.733	(646.485.033)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	723.422.178	825.883.798
- Chi phí bảo hiểm	14.987.500	-
	738.409.678	825.883.798
b) Dài hạn		
- Chi phí bán thảo	710.907.083	2.344.881.806
- Chi phí thuê kho tại khu Công nghiệp Nam Thăng Long ^[1]	2.369.318.182	2.778.409.094
- Chi phí thuê Cửa hàng 116 Cầu Diễn	-	151.090.911
- Chi phí thuê Văn phòng D2.1 Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex ^[2]	10.338.818.539	10.590.473.357
- Chi phí thuê Cửa hàng Kim Liên	-	200.000.000
- Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	742.954.035
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.416.285.949	3.097.785.811
	14.835.329.753	19.905.595.014

^[1] Thuê kho tại khu Công nghiệp Nam Thăng Long với thời hạn thuê 10 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2012. Tổng số tiền thuê 4.090.909.091 VND.

^[2] Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (VINACONEX 1) và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội về việc thuê dài hạn diện tích văn phòng lô số D-2.1 (Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội). Với các nội dung sau:

- Thời hạn thuê: 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014;
- Tổng số tiền thuê: 11.962.650.000 VND (đã bao gồm VAT 10%);
- Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền của hợp đồng nêu trên trong năm 2014.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.472.886.364	3.883.447.418	456.639.673	5.812.973.455
- Mua trong năm		764.104.484	103.050.000	867.154.484
- Tăng do phân loại lại	-	-	1.472.886.364	1.472.886.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	(514.118.717)	-	(514.118.717)
- Giảm do phân loại lại	(1.472.886.364)	-	-	(1.472.886.364)
Số dư cuối năm	-	4.133.433.185	2.032.576.037	6.166.009.222
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	192.877.976	1.842.475.300	272.507.580	2.307.860.856
- Khấu hao trong năm	-	444.500.514	277.224.358	721.724.872
- Tăng do phân loại lại	-	-	706.996.692	706.996.692
- Thanh lý, nhượng bán	-	(514.118.717)	-	(514.118.717)
- Giảm do phân loại lại	(192.877.976)	(514.118.716)	-	(706.996.692)
Số dư cuối năm	-	1.258.738.381	1.256.728.630	2.515.467.011
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.280.008.388	2.040.972.118	184.132.093	3.505.112.599
Tại ngày cuối năm	-	2.874.694.804	775.847.407	3.650.542.211

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 980.035.828 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[*]	3.276.000.000	2.670.500.000
	3.276.000.000	2.670.500.000

^[*] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội;

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND. Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Năm 2013, Công ty thực hiện góp thêm số tiền là 325.000.000 VND căn cứ theo công văn số 100/CV-Hapco, số 146/CV-Hapco, số 203/CV-Hapco và số 241CV/CV-Hapco của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội.

Năm 2014, Công ty tiếp tục góp thêm số tiền là 380.000.000 VND căn cứ theo Biên bản họp ngày 08/04/2014 giữa các bên để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án, nâng tổng số vốn góp của Công ty tại 31/12/2014 là 2.620.500.000 VND. Tỷ lệ góp và tỷ lệ lợi ích vẫn giữ nguyên theo hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Trường hợp Dự án không hoàn thành thì Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội sẽ bồi hoàn toàn bộ số tiền trên cho các nhà đầu tư.

Ngày 13/10/2015, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã có được Quyết định số 5262/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho thuê 7.662 m² đất trên để xây dựng và mở rộng mặt bằng sản xuất. Công ty tiếp tục góp thêm 50.000.000 VND theo công văn số 123/CV-Hapco ngày 21/08/2015 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội để chuẩn bị cho công việc giám sát và thực thi giải phóng mặt bằng.

Năm 2016, Công ty tiếp tục góp thêm số tiền là 563.000.000 VND theo công văn số 55/2016, công văn số 90/CV và công văn số 193/CV Hapco của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội.



15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	3.832.573.162	1.068.980.326
- Trích trước chi phí bản thảo và phí phát hành	66.507.200	83.540.000
- Chi phí phải trả khác	60.000.000	65.000.000
	3.959.080.362	1.217.520.326

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	70.083.095	52.819.960
Bảo hiểm xã hội	141.235.406	-
Bảo hiểm y tế	24.444.596	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.864.262	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.279.040	50.441.975
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.859.600	23.859.600
- Phải trả, phải nộp khác	84.419.440	26.582.375
	354.906.399	103.261.935
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	46.000.000	46.000.000
	46.000.000	46.000.000

1105-
 NG TY
 HIEM HUU
 KIEM TI
 ASC
 KIEM-T

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Nhà D, Tầng 2, Khu VP Vinaconex1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	102.194.840.000	(252.296.518)	(21.117.732.556)	16.403.628.953	103.627.256.813	6.398.816.934	103.627.256.813	16.117.700.000	16.117.700.000	103.627.256.813
Tăng do tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	286.900.000	-	15.830.800.000	-	16.117.700.000	-	16.117.700.000	-	16.117.700.000	16.117.700.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	8.211.614.169	-	8.211.614.169	-	8.211.614.169	8.211.614.169
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.611.050.400)	-	(4.611.050.400)	-	(4.611.050.400)	(4.611.050.400)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.231.742.125)	-	(1.231.742.125)	-	(1.231.742.125)	(1.231.742.125)
Thưởng cho người lao động bằng cổ phiếu	-	634.674.000	-	3.170.326.000	(3.805.000.000)	(1.231.742.125)	-	(1.231.742.125)	-	(1.231.742.125)	(1.231.742.125)
Số dư cuối năm trước	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)	12.598.628.953	122.113.778.457	8.767.638.578	122.113.778.457	8.767.638.578	122.113.778.457	122.113.778.457
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)	12.598.628.953	122.113.778.457	8.767.638.578	122.113.778.457	8.767.638.578	122.113.778.457	122.113.778.457
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.665.829.293	-	11.665.829.293	-	11.665.829.293	11.665.829.293
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(6.975.908.800)	-	(6.975.908.800)	-	(6.975.908.800)	(6.975.908.800)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.749.874.394)	-	(1.749.874.394)	-	(1.749.874.394)	(1.749.874.394)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)	12.598.628.953	125.053.824.556	11.707.684.677	125.053.824.556	11.707.684.677	125.053.824.556	125.053.824.556



Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 93/SGDHN ngày 11/04/2016, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.211.614.169
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (đã trích năm 2015)	15%	1.231.742.125
Chi trả cổ tức (trương ứng mỗi cổ phần nhận 700 VND)	85%	6.975.908.800
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 (15%)		1.749.874.394

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25,35%	24.928.000.000	24,39%
Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	7.650.000.000	7,49%	7.650.000.000	7,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	11.065.000.000	10,83%	9.601.000.000	9,39%
Ông Ngô Trọng Vinh	3.583.830.000	3,51%	3.583.830.000	3,51%
Bà Lê Thị Tuyết Nhung	3.820.000.000	3,74%	3.820.000.000	3,74%
Bà Ngô Phương Anh	12.967.000.000	12,69%	11.695.000.000	11,44%
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2,48%	2.539.000.000	2,48%
Các cổ đông khác	34.659.010.000	33,91%	38.378.010.000	37,56%
Cộng	102.194.840.000	100%	102.194.840.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	102.194.840.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>102.194.840.000</i>	<i>102.194.840.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>102.194.840.000</i>	<i>102.194.840.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.975.908.800	4.611.050.400
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>6.975.908.800</i>	<i>4.611.050.400</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>253.900</i>	<i>253.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.969.084	9.969.084
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.969.084</i>	<i>9.969.084</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu



e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.598.628.953	12.598.628.953
	12.598.628.953	12.598.628.953

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	12.708.136.721	13.368.882.451
- Từ 1 năm trở xuống	660.745.730	660.745.730
- Từ 1 năm đến 5 năm	3.303.728.650	3.303.728.650
- Trên 5 năm	8.743.662.341	9.404.408.071

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	172.839.840.249	145.615.771.524
- Doanh thu Sách Giáo khoa	795.167.357	3.596.774.243
- Doanh thu Sách Tham khảo	152.742.736.029	98.480.426.828
- Doanh thu Sách Bổ trợ	10.562.145.452	10.343.418.095
- Doanh thu thiết bị giáo dục	1.657.865.000	2.628.051.837
- Doanh thu bán vật tư	98.333.528	2.982.034.231
- Doanh thu Văn phòng phẩm, lịch và khác	6.499.305.977	26.572.792.377
- Doanh thu Vỡ tự in	484.286.906	1.012.273.913
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.100.629.543	65.454.544
	174.940.469.792	145.681.226.068
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	53.166.286.737	24.487.495.398



20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	125.720.913.022	101.614.783.868
- Giá vốn Sách Giáo khoa	789.119.685	2.931.961.326
- Giá vốn Sách Tham khảo	107.696.259.049	65.018.502.232
- Giá vốn Sách Bổ trợ	8.855.940.413	8.516.817.398
- Giá vốn thiết bị giáo dục	1.523.266.000	2.306.320.565
- Giá vốn bán vật tư	94.609.214	2.906.518.150
- Giá vốn Văn phòng phẩm, lịch và khác	6.379.722.286	19.130.521.233
- Giá vốn Vỡ tự in	381.996.375	804.142.964
Giá vốn dịch vụ	2.088.856.966	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(117.667.713)	297.106.736
	127.692.102.275	101.911.890.604

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.559.902.833	2.087.827.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.000.000	158.881.150
	2.714.902.833	2.246.708.525

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí bán chứng khoán	8.454.580	-
	8.454.580	-

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.616.857	5.700.324
Chi phí nhân công	13.928.729.237	14.719.652.453
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	637.100.368	1.421.188.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	29.812.107
Thuế, phí và lệ phí	19.774.395	16.105.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.573.552.333	6.035.198.801
Chi phí khác bằng tiền	4.373.016.326	3.919.026.959
	24.538.789.516	26.146.685.453

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.951.788.991	3.310.116.651
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.436.900.017	815.960.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721.724.872	610.808.665
Thuế, phí và lệ phí	16.400.000	14.564.002
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(179.207.800)	256.021.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.930.240.867	2.262.195.505
Chi phí khác bằng tiền	2.086.458.811	2.042.306.317
	10.964.305.758	9.311.972.782

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	50.000.000	-
Thu từ thanh lý vật tư	40.136.364	17.050.000
Các khoản khác	36.722.662	44.304.221
	126.859.026	61.354.221

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	14.576.778.611	10.611.040.279
Các khoản điều chỉnh tăng	127.159.981	510.360.380
- Các khoản chi phí không được trừ	10.759.981	393.960.380
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	116.400.000	116.400.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(155.000.000)	(158.881.150)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(155.000.000)	(158.881.150)
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.548.938.592	10.962.519.509
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.909.787.718	2.411.754.292
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.161.600	(12.328.182)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	642.702.394	(435.905.687)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.366.596.007)	(1.320.818.029)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.187.055.705	642.702.394



27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.665.829.293	8.211.614.169
Các khoản điều chỉnh :	1.749.874.394	1.231.742.125
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	1.749.874.394	1.231.742.125
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.915.954.899	6.979.872.044
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.969.084	8.997.055
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	995	776

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.429.637.210	18.347.809.765
Chi phí nhân công	18.880.518.228	18.029.769.104
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.074.000.385	2.237.149.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721.724.872	640.620.772
Thuế, phí và lệ phí	36.174.395	30.669.969
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(296.875.513)	256.021.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.750.095.940	44.856.459.725
Chi phí khác bằng tiền	6.571.146.274	5.961.333.276
	121.166.421.791	90.359.833.095

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.638.884.087	-	9.339.667.711	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.635.597.519	(2.169.135.967)	32.592.544.626	(2.348.343.767)
Các khoản cho vay	18.100.000.000	-	34.020.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	869.736.000	-
Đầu tư dài hạn	2.750.000.000	-	750.000.000	-
Cộng	101.124.481.606	(2.169.135.967)	77.571.948.337	(2.348.343.767)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	27.249.689.980	22.935.924.922
Chi phí phải trả	3.959.080.362	1.217.520.326
Cộng	31.208.770.342	24.153.445.248

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CS-
STY
NHỮU
EMT
ASC
EM-T

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.638.884.087	-	27.638.884.087
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.461.461.552	5.000.000	50.466.461.552
Các khoản cho vay	18.100.000.000	-	18.100.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.750.000.000	2.750.000.000
Cộng	96.200.345.639	2.755.000.000	98.955.345.639

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.339.667.711	-	9.339.667.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.214.200.859	1.030.000.000	30.244.200.859
Các khoản cho vay	34.020.000.000	-	34.020.000.000
Đầu tư ngắn hạn	869.736.000	-	869.736.000
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	73.443.604.570	1.780.000.000	75.223.604.570

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Phải trả người bán, phải trả khác	27.203.689.980	46.000.000	27.249.689.980
Chi phí phải trả	3.959.080.362	-	3.959.080.362
Cộng	31.162.770.342	46.000.000	31.208.770.342
Tại ngày 01/01/2016			
Phải trả người bán, phải trả khác	22.889.924.922	46.000.000	22.935.924.922
Chi phí phải trả	1.217.520.326	-	1.217.520.326
Cộng	24.107.445.248	46.000.000	24.153.445.248



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng, cho thuê cửa hàng		2.030.174.998	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	2.030.174.998	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, Công cụ dụng cụ		90.136.364	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	90.136.364	-

Giao dịch phát sinh trong năm

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		51.136.111.739	24.487.495.398
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	256.843.314	131.492.754
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	-	162.781.820
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	-	272.109.345
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	295.617.600	182.250.840
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	145.607.200	334.074.380
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	9.597.000	94.175.300
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	248.763.120	16.639.890
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5.909.388.722	6.256.891.280
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	14.512.157.720	5.662.168.664
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.041.202.880	439.403.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.631.946.152	10.750.612.780
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	50.225.000	184.895.225
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	18.034.763.031	-
Mua hàng hóa		46.046.022.843	34.109.306.433
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.501.339.520	1.140.172.200
Công ty CP Bàn đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	404.925.557
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	37.336.400	2.032.007.268
Công ty Cổ phần Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	-	21.937.069
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	-	343.382.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	4.166.026.500	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	1.705.812.000	2.086.220.207

TRÁC HẢN HOÀN

Giao dịch phát sinh trong năm

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	13.621.544.330	15.621.877.420
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.335.682.463	5.021.326.771
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.594.934.000	2.511.462.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	676.634.106	2.984.791.631
Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	38.368.040
Tạp chí Văn học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	15.792.550
Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	-	29.820.740
Công ty CP Sách dịch và từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	42.627.547
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.766.578.916	1.732.524.513
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	9.630.000	19.100.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	62.970.000
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	17.630.504.608	-
Cổ tức nhận được		105.000.000	112.500.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	105.000.000	112.500.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		613.257.611	1.567.808.093
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng Tập đoàn	51.517.600	741.062.393
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	146.246.000	45.655.940
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	71.464.100	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	87.337.912	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Cùng Tập đoàn	-	65.579.080
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Cùng Tập đoàn	169.354.087	180.217.302
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	535.293.378
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	87.337.912	-
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	Công ty liên kết	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		110.323.698	1.512.216.427
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	110.323.698	1.512.216.427



Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn		8.619.698.237	11.126.399.360
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	17.024.233	-
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	10.159.544
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	5.512.550
Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	-	9.085.100
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	225.799.051	99.499.339
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	671.940.490	1.474.410.330
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	96.908.822
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	97.932.888
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	701.120.420	922.597.501
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	47.836.615	147.836.615
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	86.166.500	146.536.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	3.658.493.112	4.305.042.630
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	16.004.000	66.229.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.399.234.138	3.598.512.209
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	10.920.730
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	135.215.602
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	Công ty liên kết	796.079.678	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
NXBGD tại Thành phố Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	-	2.827.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

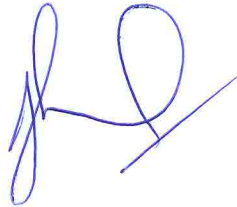
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.311.937.332	1.743.115.533

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Cẩm Hương
Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

